

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC**  
*NĂM BÁO CÁO: 2022*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2023

---

**I. Thông tin chung:**

1. *Thông tin khái quát :*

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 3700791715
- Vốn điều lệ : 71.925.500.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 71.925.500.000 đồng
- Địa chỉ: Lô G1-9 , Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên, Thành phố Tân Uyên , Tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại: (0274) 3652 768 – (0274) 3652 769
- Số fax: (0274) 3652 766
- Website: [www.peteclogistics.com.vn](http://www.peteclogistics.com.vn)
- Mã cổ phiếu: PLO

*Quá trình hình thành và phát triển:*

+ Ngày thành lập: 11/4/2007

+ CTCP Kho vận Petec được Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở KH&ĐT) tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 11/04/2007 với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 đồng. Từ khi thành lập đến nay Công ty chỉ thực hiện 01 lần phát hành vào ngày 31/03/2009, tăng vốn từ 25.000.000.000 đồng lên 71.925.500.000 đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và cho đối tượng khác.

+ Các mốc sự kiện quan trọng :

**Năm 2007:** Công ty xây dựng mới hệ thống kho có tổng diện tích 150.000 m<sup>2</sup>. Trong năm 2007 hoàn tất xây dựng kho đầu tiên diện tích 23.000 m<sup>2</sup>, và đã được Tổng Cục Hải Quan cấp phép thành lập Kho Ngoại Quan.

**Năm 2009:** Công ty tiếp tục xây dựng thêm 30.000 m<sup>2</sup> kho bao gồm kho nội và kho ngoại quan. Với trang thiết bị hiện đại, tọa lạc tại KCN Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Nằm trên con đường huyết mạch từ Tây Nguyên xuống các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Tp.Hồ Chí Minh, có nhiều thuận lợi cho hoạt động logistics như đường giao thông thuận lợi cách trung tâm Tp.Hồ Chí Minh 30 km (50 phút), cảng Sài Gòn khoảng 25 km (45 phút), cảng hàng không Tân Sơn Nhất khoảng 30 km (40 phút), cảng kho Sóng Thần 14 km (15 phút). Ngoài ra, Công ty còn phát triển mạng lưới các chi nhánh hoạt động rộng khắp trên lãnh thổ Việt Nam và trên thế giới rất thuận lợi

cho quý khách hàng đảm bảo được sự lưu trữ, bảo quản và lưu thông hàng hóa an toàn, nhanh chóng và hiệu quả nhất với chi phí hợp lý nhất.

Công ty tăng vốn từ 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng) lên 71.925.500.000 đồng (Bảy mươi một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

**Năm 2011:** Công ty thành lập 02 chi nhánh tại địa chỉ 63 Đào Duy Anh, Tp.Hồ Chí Minh và Tổ 2, ấp Long Bình, tỉnh Tây Ninh. Trong năm Công ty cũng thành lập thêm 01 cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại địa chỉ số 94, đường DT 744, tỉnh Bình Dương.

**Năm 2013:** Công ty đóng cửa cửa hàng xăng dầu số 1 tại số 308/04 đường ĐT747B, tỉnh Bình Dương và thành lập mới 01 nhà máy chế biến nông sản tại địa chỉ số 202 đường ĐT747B, tỉnh Bình Dương.

**Năm 2015:** Công ty tiếp tục đóng cửa cửa hàng xăng dầu số 2 tại số ấp Tân Lập, xã An Điền, tỉnh Bình Dương và thay đổi địa chỉ chi nhánh Công ty từ số 63 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh sang 123 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh.

**Năm 2017:** Công ty thay đổi địa chỉ chi nhánh Công ty từ số 123 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh sang 81/15 Hồ Văn Huê, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh.

**Năm 2019:** Công ty thuê cửa hàng xăng dầu tại Tỉnh Đắk Nông và thành lập chi nhánh Đắk Nông chuyên bán lẻ kinh doanh xăng dầu.

**Năm 2020:** Công ty đã chấm dứt hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu tại Tỉnh Đắk Nông. Tháng 10/2020, để thúc đẩy việc bán lẻ kinh doanh xăng dầu. Công ty đã thuê thêm 01 cửa hàng tại Huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh.

## *2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh chính: hoạt động trong lĩnh vực logistics và buôn bán xăng dầu

- Địa bàn kinh doanh:

+ Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

+ Các Quận tại Thành Phố Hồ Chí Minh

## *3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*

- Hội Đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

**Hội Đồng Quản trị:**

Ông: Hoàng Minh Tuấn

Ông: Huỳnh Xuân Hồng

Ông: Trịnh Anh Tuấn

Ông: Bùi Minh Hiệp

Chủ tịch

Thành Viên

Thành Viên (Bổ nhiệm ngày 27/8/2022 )

Thành Viên (Miễn nhiệm ngày 27/8/2022 )

**Ban Giám Đốc:**

Ông: Huỳnh Xuân Hồng

Ông: Lý Hoài Nam

Giám Đốc

Phó Giám Đốc

**Ban Kiểm soát:**

Ông: Hoàng Anh Tuấn

Bà: Trần Thị Thanh Thủy

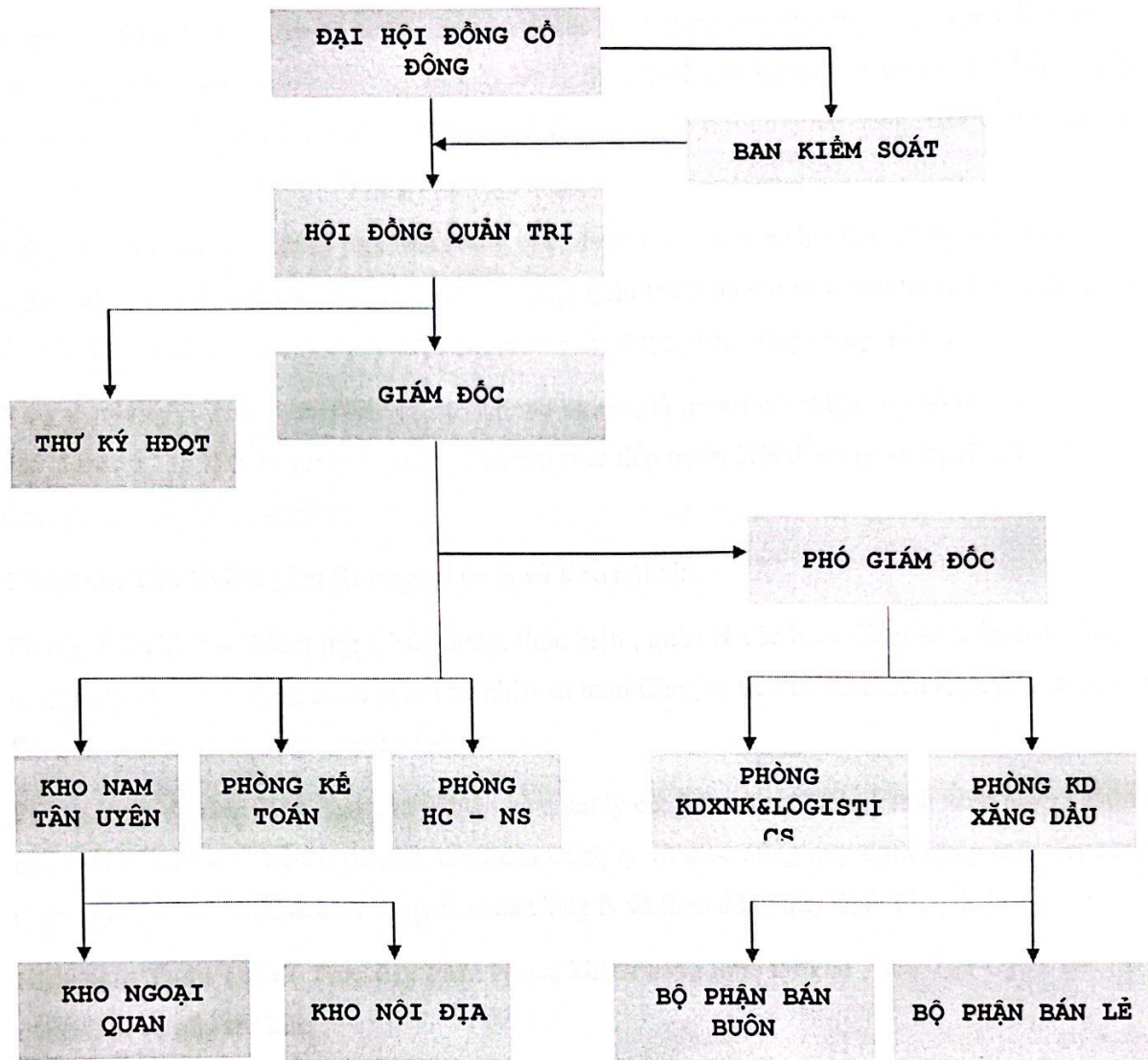
Ông: Vũ Xuân Hiền

Trưởng Ban

Thành Viên

Thành Viên

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



**Đại Hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

**Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Ban kiểm soát:** Là những người thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.

**Ban Giám Đốc:** Gồm Giám đốc, Phó Giám đốc.

Giám đốc công ty là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty; trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc phân công và ủy nhiệm quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc, Hội đồng quản trị, cổ đông và pháp luật về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

**Thư ký HĐQT:** Thư ký HĐQT do HĐQT bổ nhiệm, là người có nhiệm vụ hỗ trợ và thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT giao; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng quản trị về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

**Kho Nam Tân Uyên:** gồm Kho ngoại quan và Kho nội địa.

**Phòng Tài chính – Tổng hợp:** Xây dựng, thực hiện, quản lý các hoạt động kế toán của Công ty và quản lý các hoạt động hành chính và nhân sự toàn Công ty trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

**Phòng kinh doanh:** Xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và logistics trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật. Trực tiếp quản lý hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

**Kho Nam Tân Uyên:** Trực tiếp quản lý các khách hàng thuê tại kho Nam Tân Uyên, các hoạt động dịch vụ phụ trợ kho.

**Chi nhánh Bình Dương và chi nhánh TPHCM:** Hoạt động chính là ngành nghề bán lẻ xăng dầu; trực tiếp quản lý hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

- Các công ty con, công ty liên kết:

- **Công ty mẹ:** không có
- **Công ty con, công ty liên kết:**

Công ty cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng Dầu

Địa chỉ: 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giá trị khoản đầu tư: 10.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu: 26,11%.

4. Định hướng phát triển:

- **Mục tiêu hoạt động chủ yếu:**

Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

▪ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Hiện tại với đội ngũ cán bộ, công nhân viên đã qua đào tạo nghiệp vụ chuyên ngành phù hợp, với mục tiêu chính là xây dựng công ty ngày càng phát triển vững mạnh, tăng cao hiệu quả đầu tư của các cổ đông, nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước. Công ty định hướng lĩnh vực kinh doanh chính là hoạt động kinh doanh xăng dầu và hoạt động cho thuê kho; đồng thời đặt mục tiêu giải quyết các khoản nợ xấu theo đúng quy định của pháp luật và có hiệu quả là ưu tiên hàng đầu.

Nâng cao trình độ, kinh nghiệm và khuyến khích động viên người lao động vì lợi ích chung của Công ty. Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty tự tìm kiếm hoặc liên doanh, liên kết với đơn vị kinh tế khác để tổ chức sản xuất, kinh doanh ngành nghề pháp luật không cấm khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty, mang lại lợi ích hài hòa cho các cổ đông, Công ty, người lao động và xã hội.

**5. Các rủi ro:**

- Bên cạnh dấu hiệu hồi phục khi dịch bệnh được kiểm soát thì kinh tế Việt Nam chịu không ít thách thức trước tác động từ bối cảnh tình hình địa chính trị, xung đột giữa Nga – Ukraina, gia tăng lạm phát và dẫn đến suy thoái kinh tế thế giới.
- Việt Nam đã và đang quyết liệt triển khai nhiều chính sách nhằm thu hút các doanh nghiệp FDI đặc biệt các doanh nghiệp công nghệ sạch, sản xuất xanh, tranh thủ các doanh nghiệp có xu hướng dịch chuyển ra khỏi Trung Quốc, tạo tâm lý vững vàng và niềm tin vào việc phục hồi và duy trì ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp đang hoạt động.
- Niềm tin của các nhà đầu tư quốc tế đối với sự phục hồi ổn định của kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã tăng lên đáng kể thông qua các dự án FDI mới đăng ký.
- Kinh tế thế giới tiếp tục bất ổn và suy thoái, sức mua và nhu cầu giảm sút, ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất và kinh doanh của các đối tác chủ yếu của Công ty.
- Chính sách về quản lý kinh doanh xăng dầu có nhiều thay đổi, mà chủ yếu là bán lẻ vẫn gặp

nhiều khó khăn. Một số bất cập trong qui định mới về PCCC có khả năng gây rủi ro với doanh nghiệp. Ngoài ra, với việc giá nông sản tăng cao, tạo rào cản rất lớn trong việc triển khai kinh doanh ngành hàng mới của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả sản xuất kinh doanh so với năm 2021:

CHỈ TIÊU	Năm trước	Năm nay	So với năm trước (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	82.312.293.451	93.994.314.795	114,19%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	82.312.293.451	93.994.314.795	114,19%
4. Giá vốn hàng bán	71.001.594.795	82.242.536.537	115,83%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.310.698.656	11.751.778.258	103,90%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	40.849.375	66.823.807	
7. Chi phí tài chính	2.256.321.137	2.462.588.270	109,14%
7.1 Chi phí lãi vay	2.256.321.137	2.425.741.333	107,51%
8. Chi phí bán hàng - kinh doanh xăng dầu	2.241.469.483	1.705.585.313	76,09%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.409.176.868	4.787.750.016	108,59%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.444.580.543	2.862.678.466	117,10%
11. Thu nhập khác, hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	925.533.040	(462.686.116)	
11.1 Thu nhập khác	166	388.627.219	
11.2 Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	925.532.874	(851.313.335)	
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn- Petec Land	20.000.000	30.000.000	
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn- Petec	905.532.874	(881.313.335)	
12. Chi phí khác	820.000.000	15.976.379	



13. Lợi nhuận khác	105.533.040	(478.662.495)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.550.113.583	2.384.015.971	93,49%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	0	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	
17. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	2.550.113.583	2.384.015.971	93,49%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	355	331	

Các chỉ tiêu tài chính về doanh thu, lợi nhuận của năm 2022, cụ thể:

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	(%) So với kế hoạch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.994.314.795	110.700.000.000	84,91%
2. Giá vốn hàng bán	82.242.536.537	98.700.000.000	83,33%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.751.778.258	12.000.000.000	97,93%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	66.823.807		
5. A- Chi phí tài chính từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.462.588.270	2.000.000.000	123,13%
- Trong đó : chi phí lãi vay	2.425.741.333		
6. Chi phí bán hàng	1.705.585.313	2.600.000.000	65,60%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.787.750.016	4.600.000.000	104,08%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.862.678.466	2.800.000.000	102,24%
9. Thu nhập khác, hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(462.686.116)		
9.1 Thu nhập khác ( từ thanh lý TSCĐ )	388.627.219		
9.2 Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(851.313.335)		
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn- Petec Land	30.000.000		
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn- Petec	(881.313.335)		
10. Chi phí khác	15.976.379		

11. Lợi nhuận khác	(478.662.495)		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.384.015.971	2.800.000.000	85,14%

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách hội đồng quản trị đến ngày 31/3/2023:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số CP		Tỷ lệ sở hữu CP/ Vốn điều lệ
				Đại diện	Sở hữu	
1	Hoàng Minh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Cử nhân kinh tế	144.614	11.102	20,24%
2	Huỳnh Xuân Hồng	Thành viên HĐQT	Cử nhân khoa học		618.487	8,60%
3	Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	575.386		8,00%

Năm 2022, thành viên HĐQT của Công ty Kho vận Petec có sự thay đổi:

- Ông Bùi Minh Hiệp thành viên hội đồng quản trị đã thôi nhiệm vụ từ ngày 27/8/2022

Bầu Ông Trịnh Anh Tuấn làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 kể từ ngày 27/8/2022.

Như vậy, đến thời điểm 31/3/2023, HĐQT của Công ty CP kho vận Petec có 04 thành viên, cụ thể:

- Ông Hoàng Minh Tuấn – Người đại diện vốn của Tổng Cty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu tư Cty CP ( Petec ) làm thành viên HĐQT và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT của Cty kho vận petec;
- Ông Huỳnh Xuân Hồng – làm thành viên HĐQT của Cty CP Kho Vận Petec;
- Ông Trịnh Anh Tuấn – làm thành viên HĐQT của Cty CP Kho vận Petec;

- Danh sách Ban điều hành đến ngày 31/3/2023:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số CP		Tỷ lệ sở hữu CP/ Vốn điều lệ
				Đại diện	Sở hữu	
1	Huỳnh Xuân Hồng	Giám đốc	Cử nhân khoa học		618.487	8,60%
2	Lý Hoài Nam	Phó Giám đốc	Cử nhân kinh tế	199.871	34.529	3,26%
3	Mai Huy Hoàng	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế		20.500	0,26%

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có thay đổi

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/03/2023)

**Cơ cấu người lao động**

<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>34</b>	<b>100,00%</b>
1	Đại học	12	35%
2	Cao đẳng	8	23%
3	Khác	14	42%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>37</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	34	100,00%

▪ **Chính sách đào tạo:**

Công ty tuyển dụng người lao động đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong hoạt động hàng ngày, Công ty tổ chức hướng dẫn, bồi túc chuyên môn để phù hợp với yêu cầu thực tế và nâng cao kinh nghiệm, kỹ năng xử lý nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

▪ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi:**

CTCP Kho vận Petec áp dụng chính sách lương đã được xây dựng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định hiện hành. Công ty thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thưởng cuối năm.

Công ty trang bị đầy đủ trang bị, bảo hộ lao động theo yêu cầu từng vị trí công tác; thực hiện khám sức khỏe định kỳ có chất lượng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; nộp đầy đủ, đúng kỳ hạn về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho người lao động.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

**4. Tình hình tài chính:**

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	(%) So với kế hoạch

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.994.314.795	110.700.000.000	84,91%
2. Giá vốn hàng bán	82.242.536.537	98.700.000.000	83,33%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.751.778.258	12.000.000.000	97,93%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	66.823.807		
5. A- Chi phí tài chính từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.462.588.270	2.000.000.000	123,13%
- Trong đó : chi phí lãi vay	2.425.741.333		
6. Chi phí bán hàng	1.705.585.313	2.600.000.000	65,60%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.787.750.016	4.600.000.000	104,08%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.862.678.466	2.800.000.000	102,24%
9. Thu nhập khác, hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(462.686.116)		
9.1 Thu nhập khác ( từ thanh lý TSCĐ )	388.627.219		
9.2 Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(851.313.335)		
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn- Petec Land	30.000.000		
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn- Petec	(881.313.335)		
10. Chi phí khác	15.976.379		
11. Lợi nhuận khác	(478.662.495)		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.384.015.971	2.800.000.000	85,14%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	37.945.769.899	34.234.880.317	-9,78%
Doanh thu thuần	82.312.293.451	93.994.314.795	14,19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.620.113.417	2.011.365.131	-23,23%
Lợi nhuận khác	-69.999.834	372.650.840	-632,36%
Lợi nhuận trước thuế	2.550.113.583	2.384.015.971	-6,51%

**CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2022**

Lợi nhuận sau thuế	2.550.113.583	2.384.015.971	-6,51%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	355	331	-6,76%

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Tăng giảm (%)
<b>1. Chi tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán hiện hành:	Lần	0,12	0,10	-17,37%
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,08	0,07	-8,87%
<b>2. Chi tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	118,63%	113,69%	-4,17%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-636,64%	-830,43%	30,44%
<b>3. Chi tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	89,19	84,27	-5,52%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2,14	2,60	21,80%
<b>4. Chi tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,10%	2,54%	-18,13%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	-30,55%	-40,55%	32,72%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	6,62%	6,61%	-0,29%
+ Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	3,18%	2,14%	-32,77%

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

a) Cổ phần:

- Tính đến ngày 31/3/2023 Vốn điều lệ của Công ty như sau:

+ Vốn điều lệ: 71.925.500.000 VNĐ

+ Số lượng cổ phần : 7.192.550 CP

b) Cơ cấu cổ đông:

**Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/3/2023:**

STT	Tên	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / VDL thực góp
1	Tổng Công Ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư - CTCP	0300649476	194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	2.020.000	28,08%

STT	Tên	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / VĐL thực góp
2	CTCP Bất Động Sản & Kỹ Thuật Xăng Dầu (PETEC LAND)	0305767547	51 Trần Khánh Dư, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	800.000	11,12%
3	Huỳnh Xuân Hồng	024364268	78C17 Phạm Ngũ Lão, Phường 13, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	618.487	8,6%
4	Ngân hàng TMCP Đông Á	0301442379	130 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	540.000	7,51%
<b>Tổng cộng</b>				<b>3.978.487</b>	<b>55,31%</b>

**Cổ đông sáng lập:**

+ Công ty Cổ phần Kho vận Petec được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 11/04/2007. Do đó, theo Điều 119 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

+ Giới hạn nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài: Tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường Chứng khoán Việt Nam. Tính đến hiện tại, tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phiếu của Cty là : 0%.

**Cơ cấu cổ đông:**

STT	Họ tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>430</b>	<b>7.192.550</b>	<b>100,00%</b>
	<i>Tổ chức</i>	<i>05</i>	<i>3.041.000</i>	<i>42,28%</i>
	<i>Cá nhân</i>	<i>425</i>	<i>4.151.550</i>	<i>57,72%</i>
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-	-
	<i>Tổ chức</i>	-	-	-
	<i>Cá nhân</i>	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>430</b>	<b>7.192.550</b>	<b>100,00%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

e) Các chứng khoán khác:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tại KCN Nam Tân Uyên và mua điện trực tiếp tại Điện lực Bình Dương.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty đã sử dụng nguồn nước do Công ty cấp nước Bình Dương cung cấp. Toàn bộ nguồn nước đã qua sử dụng được thải vào hệ thống thải tập trung của KCN, không sử dụng nước tái chế và tái sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty luôn thực hiện đúng bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/3/2023)

**Cơ cấu người lao động**

<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>34</b>	<b>100,00%</b>
1	Đại học	12	35%
2	Cao đẳng	8	23%
3	Khác	14	42%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>37</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	34	100,00%

▪ **Chính sách đào tạo:**

Công ty tuyển dụng người lao động đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong hoạt động hàng ngày, Công ty tổ chức hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn để phù hợp với yêu cầu thực tế và nâng cao kinh nghiệm, kỹ năng xử lý nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

▪ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi:**

CTCP Kho vận Petec áp dụng chính sách lương đã được xây dựng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định hiện hành. Công ty thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thưởng cuối năm.

Công ty trang bị đầy đủ trang bị, bảo hộ lao động theo yêu cầu từng vị trí công tác; thực hiện khám sức khỏe định kỳ có chất lượng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; nộp đầy đủ, đúng kỳ hạn về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

**1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc :**

**1 – Các yếu tố làm giảm lợi nhuận:**



\* Về kinh doanh cho thuê kho: Phần diện tích kho 2.778m<sup>2</sup> trống 04 tháng làm giảm lợi nhuận: 560 trđ và phần giảm giá thuê kho hỗ trợ khách hàng: 105 trđ.

\* Về kinh doanh xăng dầu: kinh doanh bán lẻ xăng dầu gặp nhiều khó khăn do chiết khấu hoa hồng bán lẻ xuống thấp (nhiều thời điểm âm tại cửa hàng bán lẻ)

Năm	Bán buôn		Bán lẻ		Tổng	
	Số lượng (m3)	Lợi nhuận (Trđ)	Số lượng (m3)	Lợi nhuận (Trđ)	Số lượng (m3)	Lợi nhuận (Trđ)
2021	3,157	464	737	935	3,894	1,399
2022	2,536	433	851	532	3,387	965

Lãi gộp kinh doanh xăng dầu năm 2022 giảm 430 trđ so với năm 2021.

Lợi nhuận bán buôn bình quân: 170 đồng/lít, lợi nhuận bán lẻ bình quân: 625 đồng/lít.

\* Về chi phí lãi vay: tăng 462 trđ so với kế hoạch do lãi suất cho vay của OCB liên tục tăng từ mức 7,9%/năm vào đầu năm cho đến 13,1%/năm vào tháng 06/2023, mặc cho Công ty đã giảm hạn mức vay từ đầu kỳ là: 26,2 tỷ, xuống cuối kỳ là: 21,8 tỷ.

\* Chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: trích lập thêm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần 881 trđ, được xác định dựa theo giá khớp lệnh bình quân tại sàn upcom tại ngày 31/3/2023.

## 2 – Các yếu tố làm tăng lợi nhuận:

\* Chi phí bán hàng giảm: 571 trđ do điều chỉnh giảm chi phí khấu hao tài sản cố định từ các năm trước tại Cửa hàng xăng dầu số 1.

\* Thu nhập khác: 388 trđ do thanh lý một số tài sản không còn giá trị sử dụng tại kho Nam Tân Uyên

\* Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: tại Cty CP Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu 30 trđ được xác định dựa theo Báo cáo tài chính 2022 của công ty này.

Với những lý do khách quan và chủ quan đã nêu ở trên, lợi nhuận trong quá trình sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty đã giảm 1.499 trđ.

## IV. Một số vấn đề khác:

+ Chuyển nhượng tài sản:

Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 v/v tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng CHXD số 01 tại Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Hội Đồng Quản Trị đã ban hành Nghị quyết số 04/2022 để chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong việc chuyển nhượng tài sản theo đúng qui định của pháp luật hiện hành. Công ty đã tổ chức bán đấu giá tài sản hai lần qua Cty Đấu giá Hợp danh Dầu khí Việt Nam (lần thứ nhất vào 29/12/2022 – giá đấu giá là 23 tỷ chưa VAT và lần thứ hai vào 30/01/2023 - giá đấu giá là 22,5 tỷ chưa VAT) nhưng đều không thành công do không có khách hàng đăng ký tham gia đấu giá. Căn cứ kết quả đấu giá và trên cơ sở các nghị quyết số 04/2022 ngày 28/11/2022 và số 05 ngày 28/02/2023 của Hội Đồng Quản Trị, thông qua hình thức quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng và liên kết với một số công ty môi giới, Ban Điều hành Công ty đã nỗ lực tìm kiếm các khách hàng tiềm năng có nhu cầu nhận chuyển nhượng theo phương thức thỏa thuận và đã tìm được khách hàng nhận chuyển nhượng tài sản là Cty CP Dầu khí Quốc tế Thái An với mức giá chuyển nhượng là 25,05 tỷ đồng (đã bao gồm thuế VAT). Mức giá này sau khi trừ 10% VAT (tạm tính) và chi phí môi giới 225 trđ còn lại là giá bán 22,545 tỷ đồng, ngang bằng mức giá đưa ra đấu giá lần 2 và cao hơn mức giá chuyển nhượng đã được ĐHĐCĐ 2019 thông qua là 19 tỷ đồng (chưa bao gồm thuế VAT). Hiện khách hàng đã đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc ký ngày 07/04/2023 và hai bên đang tiến hành làm các thủ tục cần thiết để ký hợp đồng mua bán công chứng và hoàn tất quá trình chuyển nhượng.

+ Tình hình tài chính và công nợ:

Hiện với phần tài sản (40.000m<sup>2</sup> đất và 23.328 m<sup>2</sup> kho), trong đó phần đất đã được chủ đầu tư KCN đóng đủ tiền thuê đất 1 lần cho Nhà Nước, Ngân hàng OCB đã định giá và ký hợp đồng tín dụng mới với Công ty từ tháng 12/2022, với hạn mức tín dụng mới là 25 tỷ, dư nợ đầu kỳ (tháng 04/2022) là 26,237 tỷ, dư nợ cuối kỳ (tháng 03/2023) là: 21,793 tỷ, hạn mức khả dụng cuối kỳ của Công ty là: 3,206 tỷ.

Trong năm Công ty đã giảm được 737 trđ trong khoản nợ kinh doanh xăng dầu cho Tổng Công ty PETEC (từ mức 4,208 tỷ xuống còn 3,471 tỷ), hiện công nợ lưu chuyển Công ty đang cho khách hàng nợ ở mức 1,1 tỷ đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Tổng công nợ xấu, quá hạn không có khả năng thu hồi là 18.365.089.449 đồng. Trong đó:

- Nợ quá hạn các năm trước là 18.355.080.399 đồng.

- Nợ quá hạn phát sinh thêm trong năm 2022 là 10 tỷ, do khách nợ của CHXD số 1 đang gặp khó khăn về tài chính, chưa thanh toán được số tiền đã mua. Tính đến thời điểm tháng 03/2023, Công ty đã trích dự phòng nợ khó đòi đối với khách hàng là 100% trên số nợ khó đòi.

+ Hoạt động đầu tư tài chính:

Nhìn chung hoạt động tài chính và đầu tư của Công ty trong năm 2022 không có biến động gì lớn. Ngoài trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính bao gồm: TCT PETEC (đầu tư ban đầu 11,55 tỷ); PETEC LAND (đầu tư ban đầu 10 tỷ). Tổng lũy kế trích lập dự phòng đầu tư tài chính là: 15,180 tỷ đồng, (trích lập dự phòng trong năm đối với Công ty Petec là: 881 tỷ, hoàn nhập dự phòng PetecLand là: 30 tỷ).

#### **V. Công tác nhân sự, lao động và tiền lương:**

Trên cơ sở tổng quỹ lương kế hoạch 2022 đã được duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 là 6,0 tỷ, tổng chi phí đã trả cho người lao động theo quyết toán 2022 đã được kiểm toán là: 5,824 tỷ. Trong đó: – lương bình quân: 14,2 tỷ/người/tháng.

Công ty đã cơ cấu lại tổ chức nhằm mục đích nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí trên tổng số nhân sự là 34 người.

#### **II. Định hướng phát triển của công ty trong năm 2023:**

Một số yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD 2023:

- Kinh tế thế giới tiếp tục bất ổn và suy thoái, sức mua và nhu cầu giảm sút, ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất và kinh doanh của các đối tác chủ yếu của Công ty.
- Việc đề xuất phương án giảm thuế VAT và liên tục giảm lãi suất điều hành, cũng như quyết liệt triển khai nhiều chính sách của Chính phủ, cũng như ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhằm hỗ trợ cho cộng đồng doanh nghiệp ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua giai đoạn khó khăn này.
- Chính sách về quản lý kinh doanh xăng dầu vẫn chưa có gì thay đổi, kinh doanh xăng dầu, mà chủ yếu là bán lẻ vẫn gặp nhiều khó khăn. Một số bất cập trong qui định mới về PCCC có khả năng gây rủi ro với doanh nghiệp. Ngoài ra, với việc giá nông sản tăng cao, tạo rào cản rất lớn trong việc triển khai kinh doanh ngành hàng mới của Công ty.
- Hạn mức ngân hàng TMCP OCB cấp theo hợp đồng tín dụng tháng 12/2022 là 25 tỷ đồng, hạn mức khả dụng đầu năm tài chính của Công ty là: 3,2 tỷ, chi phí lãi vay đầu kỳ năm tài

chính: 220 trđ/tháng, khả năng bình quân cả năm là: 180 trđ/tháng. Hạn mức kinh doanh này chỉ bao gồm tài trợ cho kinh doanh xăng dầu và chi trả lương.

- Ngoài hạn mức ngân hàng nói trên, Công ty còn nhận được sự hỗ trợ về tài chính của Tổng Công ty PETEC thông qua khoản nợ bán hàng trả chậm, mức nợ đầu kỳ hiện tại là: 3,471. tỷ.

## **II. Định hướng phát triển của công ty trong năm 2023:**

### **1. Kinh doanh kho bãi và các dịch vụ phụ trợ kho:**

- Hiện Công ty đã cho thuê 23.328 m<sup>2</sup>, đạt 100% diện tích kho. Trong đó: khách hàng có thời hạn hợp đồng thuê trên 03 năm là 18.954m<sup>2</sup> đạt 81% tổng diện tích, khách hàng có thời hạn hợp đồng 03 năm là 4.374m<sup>2</sup> đạt 19% tổng diện tích.
- Trên cơ sở nguồn khách hàng thuê kho hiện tại, Công ty tiếp tục đàm phán nhằm tăng thêm khả năng cung ứng dịch vụ cho khách hàng, tận dụng tối đa nguồn lực hiện có của Công ty.

### **2. Kinh doanh xăng dầu:**

Với tình hình kinh doanh xăng dầu như hiện nay, Công ty cố gắng duy trì hoạt động bán buôn và bán khách hàng công nghiệp nhằm đảm bảo dòng tiền hoạt động của Công ty, cũng như đạt lợi nhuận đủ để trang trải chi phí của bộ phận phụ trách kinh doanh ngành hàng này.

Về hoạt động bán lẻ xăng dầu, do tình hình giá xăng dầu có nhiều biến động, nhiều thời điểm chiết khấu hoa hồng về tới cây xăng bị âm, bán lẻ gặp nhiều khó khăn. Xác định vì mục đích lâu dài, Công ty ngoài việc cố gắng đảm bảo nguồn hàng, giữ chân và tìm kiếm khách hàng, nâng cao sản lượng...đối với cây xăng đang hoạt động, nhằm mở rộng hệ thống, hướng tới tăng lợi nhuận khi điều kiện kinh doanh thuận lợi, Công ty đã tiến hành mở chi nhánh và thuê 01 cây xăng bán lẻ tại tỉnh Bến Tre.

### **3. Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ kinh doanh xăng dầu và hoạt động khác:**

- Kế hoạch trong năm 2023 chủ yếu tập trung vào công tác tìm kiếm khách hàng, nâng cao tay nghề, chuyên nghiệp hóa đội ngũ CBCNV hoạt động trong lĩnh vực trang trí quảng cáo tại cây xăng.
- Công ty sẽ triển khai hoạt động kinh doanh nông sản và các mặt hàng khác tùy thuộc vào thời điểm trong năm nếu điều kiện tài chính của Công ty cho phép và thị trường thuận lợi (khả năng triển khai kinh doanh ngành hàng nông sản là khả quan, do việc chuyển nhượng

CHXD số 1 sẽ hoàn tất vào tầm tháng 07/2023, sau chuyển nhượng với khoản tiền thu được, Công ty sẽ tắt toán nợ ngân hàng và còn duy trì vốn tự có cho hoạt động kinh doanh xăng dầu, hạn mức ngân hàng lúc này chủ yếu phục vụ cho việc phát triển kinh doanh ngành hàng mới), với mục tiêu chính của hoạt động này là đảm bảo kinh doanh không lỗ, tăng doanh thu, đảm bảo dòng tiền và lợi nhuận trên quan điểm thận trọng, chặt chẽ.

**Bảng chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023:**

STT	Khoản mục	Xăng Dầu		Thuê kho	Dịch vụ phụ trợ kho	Tổng
		Bán buôn	Bán lẻ			
1	Số lượng (m <sup>3</sup> )	3.000	1.000			
2	Doanh thu (tỷ đồng)	52,5	18,5	18,7	0,5	90,2
3	Chi phí (tỷ đồng)	52,0	17,5	7,3	0,3	77,1
4	Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	0,5	1,0	11,4	0,2	13,1
5	Chi phí chung (tỷ đồng)					
	Chi phí bán hàng					2,4
	Chi phí qly DN					5,0
	Chi phí tài chính					2,2
6	Lợi nhuận kế toán trước thuế (tỷ đồng)					3,5

**Ghi chú:** - Lợi nhuận kế hoạch chưa bao gồm lợi nhuận do chuyển nhượng CHXD số 1.

- Việc hoàn tất chuyển nhượng tài sản vào tháng 07/2023 sẽ làm giảm chi phí lãi vay khoảng 1,4 tỷ cho năm tài chính 2023.

- Việc triển khai kinh doanh ngành hàng mới chưa đưa vào bảng kế hoạch này.

**Những chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch SXKD năm 2023:**

1. Tổng doanh thu:	90,2 tỷ
2. Lợi nhuận trước thuế TNDN	3,5 tỷ
3. Quỹ lương:	6,4 tỷ
Thu nhập bình quân của CBCNV: 15,68 triệu/người/tháng	

**III. Một số công tác khác phải thực hiện trong năm 2023 - 2024:**

1. Tiếp tục đàm phán với Ngân hàng để giảm lãi suất trong điều kiện Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất trần, tái tài trợ tín dụng, bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tìm kiếm khách hàng, xây dựng phương án kinh doanh đối với những ngành hàng mới, trên cơ sở thận trọng, an toàn...đảm bảo doanh thu, dòng tiền và lợi nhuận.
3. Chú trọng nâng cao năng suất lao động, trình độ chuyên môn cho CBCNV thông qua việc hỗ trợ kinh phí học tập. Vun đắp truyền thống đoàn kết, gắn bó giữa CBCNV và Công ty thông qua các hoạt động tập thể như du lịch, gặp mặt gia đình CBCNV ... Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo định hướng đoàn kết, thân thiện, nhiệt huyết cả về đối nội lẫn đối ngoại.

**Tình hình tài chính:**

**Vốn bằng tiền:** dòng tiền được quản lý một cách hiệu quả và an toàn. Chính sách quản lý rủi ro được thiết lập nhằm đảm bảo số dư tiền luôn ở mức an toàn tối ưu và linh hoạt, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Cty Kho vận Petec tại mọi thời điểm.

**Nợ phải thu khách hàng:** các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ lệ 65% tài sản ngắn hạn.

**Phải thu khác:** Các khoản phải thu khác chiếm đến 35% tài sản ngắn hạn của Cty.

**Hàng tồn kho:** Hàng tồn kho chiếm 24% tài sản ngắn hạn.

**Về quản lý tài sản dài hạn:** Tài sản dài hạn chiếm 91% tổng tài sản. Chủ yếu là tài sản hữu hình và tài sản vô hình.

**Tình hình nợ phải trả:**

**Nợ ngắn hạn :** Nợ ngắn hạn chiếm 98% tổng nguồn vốn

Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn chiếm 15% trên tổng nguồn vốn và chiếm 15% trên nợ ngắn hạn.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có báo cáo phát sinh*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) : Không có báo cáo phát sinh*

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Không có báo cáo phát sinh*

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải: Không có báo cáo phát sinh
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Không có báo cáo phát sinh
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Không có báo cáo phát sinh

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Cty CP kho Vận Petec luôn có ý thức trong Phòng cháy chữa cháy tại Kho TNU và cũng như trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu tiềm ẩn rủi ro cho môi trường, Cty đã tuân thủ các quy định về pháp luật và bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai các giải pháp để phòng ngừa và hạn chế rủi ro như:

- Trang bị đầy đủ thiết bị , bố trí nhân lực đủ năng lực.
- Tổ chức lực lượng quản lý công tác an toàn, sức khỏe , môi trường và ứng cứu sự cố khẩn cấp tại Kho cũng như các chi nhánh.
- Các Chi nhánh xăng dầu và cửa hàng đều được các cơ quan chuyên ngành cấp giấy phép về an toàn, bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Đến cuối năm 2022, Ban giám đốc của Công ty gồm 02 người : 01 Giám đốc và 01 phó giám đốc.

Trong năm 2022, Giám đốc đã triển khai đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các nội dung của các nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT ; thực thi quyền hạn , nhiệm vụ được giao trong việc điều hành mọi hoạt động của Công ty một cách cẩn trọng; tuân thủ pháp luật và điều lệ của Petec.

ĐHĐCĐ thường niên của Cty CP Kho vận Petec tổ chức thành công trong năm 2022; báo cáo thường niên năm 2021 và công tác công bố thông tin trong năm 2022 được thực hiện đầy đủ , minh bạch , đúng thời gian theo quy định.

Trong tình hình kinh doanh phức tạp, cạnh tranh gay gắt trên thị trường, Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong công tác điều hành vượt qua khó khăn thách thức, đưa ra nhiều biện pháp đột phá trong phát triển khách hàng , thị trường, điều hành kinh doanh mang lại nhiều hiệu quả trong kinh doanh của Công ty .

4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Năm 2023, kế hoạch hoạt động của HĐQT Cty Kho Vận Petec sẽ tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Đồng hành , sát cánh cùng Ban điều hành trong việc quản lý, giám sát tổ chức triển khai kế hoạch SXKD năm 2023 sau khi được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua. Thúc đẩy phát triển thị trường, phối hợp cùng Ban kiểm soát tăng cường công tác kiểm tra giám sát, đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty Kho Vận Petec
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tìm kiếm các đối tác, khách hàng ...có nhu cầu sử dụng thuê kho với giá tốt nhất.
- Tiếp tục đàm phán với Ngân hàng để giảm lãi suất trong điều kiện Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất trần, tái tài trợ tín dụng, bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế tài chính để huy động thêm nguồn vốn từ cán bộ công nhân viên công ty cũng như từ bên ngoài nhằm tăng nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chú trọng nâng cao năng suất lao động, trình độ chuyên môn cho CBCNV thông qua việc hỗ trợ kinh phí học tập. Vun đắp truyền thống đoàn kết, gắn bó giữa CBCNV và Công ty thông qua các hoạt động tập thể như du lịch, gặp mặt gia đình CBCNV, lao động XHCN... Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo định hướng đoàn kết, thân thiện, nhiệt huyết cả về đối nội lẫn đối ngoại.
- Công tác quản trị tài chính, quản lý chi phí : Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động để đảm bảo việc quản lý, huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, an toàn, hiệu quả. Tiếp tục chỉ đạo công tác quản lý công nợ, quản lý chi phí có hiệu quả cho hoạt động SXKD trong năm 2023.

**V. Quản trị công ty:**

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị đến 31/3/2023:

Xin xem tại mục 2. Phần II của báo cáo này.

1.2 Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại Hội đồng quản trị của Cty CP Kho vận Petec không thành lập tiêu ban trực thuộc. Các lĩnh vực liên quan HĐQT được thư ký và các phòng ban nghiệp vụ chuyên môn tham mưu.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty



CP Kho vận Petec và luật Doanh nghiệp; lãnh đạo công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022 trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid -19 đã dần được kiểm soát, Chính phủ và các địa phương đã từng bước nới lỏng giãn cách xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội được phục hồi.

Trong 06 tháng đầu năm 2022, HĐQT Công ty tiến hành 01 cuộc họp và 01 lần cho ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản đều tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2022 (6 tháng, từ 01/01/2022 đến 30/6/2022):

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	18/2017-2022/NQ-HĐQT	01/04/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>Thông qua Báo cáo kết quả SXKD từ đầu năm tài chính 2021 đến hết ngày 28/02/2022.</li> <li>Đồng ý lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp.HCM (AISC) làm đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021.</li> </ol>	100%
2	19/2017-2022/NQ-HĐQT	27/06/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>Thông qua nội dung Tờ trình số 01/2022/TT-HĐQT ngày 20/06/2022 của Ban Điều hành về việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.</li> <li>Đồng ý gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Cty CP Kho vận Petec chậm nhất là đến ngày 30/09/2022.</li> </ol>	100%

Trong 06 tháng cuối năm 2022, HĐQT Công ty tiến hành 03 cuộc họp và 02 lần cho ý kiến

bằng văn bản. Theo đó, HĐQT đã ban hành 05 (năm) Nghị quyết và 04 (bốn) Quyết định của HĐQT. Việc tổ chức họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản đều tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị trong 06 tháng cuối năm 2022 (từ ngày 01/07/2022 đến ngày 31/12/2022):

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	20/2017-2022/NQ-HĐQT	13/07/2022	<p>Thông qua nội dung các Báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 dự kiến như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2021 và phương hướng, kế hoạch SXKD năm 2022.</li> <li>2. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.</li> <li>3. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.</li> <li>4. Tờ trình Thù lao HĐQT và BKS năm 2022.</li> <li>5. Tờ trình lựa chọn Cty kiểm toán BCTC năm 2022.</li> <li>6. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.</li> <li>7. Báo cáo về việc miễn nhiệm chức danh TV HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2017-2022.</li> <li>8. Tờ trình Số lượng thành viên HĐQT và BKS nhiệm</li> </ol>	100%



			<p>kỳ 2022-2027.</p> <p>9. Quy chế Đề cử, Ứng cử bầu thành viên tham gia HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2022-2027.</p> <p>10. Thông báo cho cổ đông về việc Đề cử, Ứng cử bầu TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027.</p> <p>11. Đồng ý nội dung Đơn Từ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 của ông Bùi Minh Hiệp ký ngày 01/07/2022.</p> <p>12. Đồng ý tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 27/08/2022 và giao Ban Điều hành lựa chọn địa điểm và chuẩn bị các tài liệu tổ chức Đại hội cổ đông theo quy định của pháp luật.</p>	
2	01/2022-2027/NQ-HĐQT	27/08/2022	Bầu ông Hoàng Minh Tuấn làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 kể từ ngày 27/08/2022.	100%
3	01-2022/QĐ-PTKV	27/08/2022	Bổ nhiệm ông Huỳnh Xuân Hồng giữ chức vụ Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2022-2027, là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	100%

4	02/2022-2027/NQ-HĐQT	22/09/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ nhiệm ông Lý Hoài Nam giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2022-2027.</li> <li>- Bổ nhiệm ông Mai Huy Hoàng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty nhiệm kỳ 2022-2027.</li> <li>- Bổ nhiệm ông Phạm Thông Minh giữ chức vụ Thư ký HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2022-2027.</li> </ul>	100%
5	02-2022/QĐ-PTKV	22/09/2022	Bổ nhiệm ông Lý Hoài Nam giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty.	100%
6	03-2022/QĐ-PTKV	22/09/2022	Bổ nhiệm ông Mai Huy Hoàng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.	100%
7	04-2022/QĐ-PTKV	22/09/2022	Bổ nhiệm ông Phạm Thông Minh giữ chức vụ Thư ký HĐQT Công ty.	100%
8	03/2022-2027/NQ-HĐQT	28/11/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua nội dung Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 07 tháng đầu năm của Công ty từ ngày 01/04/2022 đến 31/10/2022.</li> <li>- Thông qua chủ trương về việc thuê CHXD tại xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long</li> </ul>	100%

			An.	
9	04/2022-2027/NQ-HĐQT	28/11/2022	<p>- Thông qua nội dung Tờ trình số 03/2022/TT-HĐQT ngày 14/11/2022 của Giám đốc Công ty về việc chuyển nhượng CHXD số 01 của Công ty tại Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.</p> <p>- Đồng ý ủy quyền cho Ban Điều hành lựa chọn, đàm phán các điều khoản, ký hợp đồng với đơn vị tổ chức đấu giá tài sản, ký hợp đồng với khách hàng nhận chuyển nhượng CHXD số 01 theo nội dung Tờ trình số 03/2022/TT-HĐQT ngày 14/11/2022 của Giám đốc Công ty.</p> <p>- Đồng ý ủy quyền cho ông Huỳnh Xuân Hồng – CCCD số 001062047479, ngày cấp 10/05/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Chức vụ: Giám đốc của Công ty thực hiện tất cả các thủ tục pháp lý theo quy định để hoàn thành việc chuyển nhượng CHXD số 01.</p>	100%

2. Ban kiểm soát / Ủy ban kiểm toán

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Hoàng Anh Tuấn	Trưởng BKS	27/08/2022		Cử nhân Kinh tế
2	Vũ Xuân Hiền	Thành viên BKS	24/09/2020		Cử nhân Kinh tế
3	Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	14/01/2022		Cử nhân Kinh tế

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nội dung giám sát theo kế hoạch và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; tuân thủ các yêu cầu giám sát theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty CP Kho vận Petec.

Thực hiện công tác giám sát và chấp hành pháp luật Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cty Kho Vận Petec; tuân thủ theo các nghị quyết, quyết định và triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Tại các cuộc họp HĐQT, cuộc họp ĐHĐCĐ, toàn bộ các thành viên Ban kiểm soát đều tham dự, để nắm bắt các chủ trương, định hướng phát triển và quyết định liên quan đến hoạt động của Cty CP kho Vận Petec, báo cáo đầy đủ các nội dung theo quy định và luôn có nhận xét, đánh giá và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông nhằm không ngừng hoàn thiện công tác quản trị và kiểm tra, giám sát tại công ty; dự các cuộc họp do Giám đốc chủ trì liên quan đến hoạt động SXKD.

Thường xuyên xem xét, đánh giá các báo cáo về hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty ; lập báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hàng quý gửi HĐQT;

Thâm định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn vốn;

Các cuộc họp Ban kiểm soát tiến hành trong 06 tháng đầu năm :

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Anh Tuấn	01/01	100%	100%	
2	Vũ Xuân Hiền	01/01	100%	100%	
3	Trần Thị Thanh Thùy	0/01	0%		Bận đi công tác

Các cuộc họp Ban kiểm soát tiến hành trong 06 tháng cuối năm :

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Anh Tuấn	02/02	100%	100%	
2	Vũ Xuân Hiền	02/02	100%	100%	
3	Trần Thị Thanh Thùy	02/02	100%	100%	

**Nội dung các cuộc họp:** Thảo luận giám sát xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022. Nhắc nhở các đơn vị trong các tác thu hồi công nợ của các khoản nợ khó đòi.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Mức thù lao TV HĐQT, BKS được thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của LĐTBXH và quy định của Công ty CP kho vận Pete. Tổng chi phí lương năm 2022 của HĐQT, BKS và Ban giám đốc là 1,116 tỷ đồng.

Mức thù lao HĐQT và BKS được Đại hội cổ đông thường niên 2022 thông qua là 40 tr đồng/ tháng.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Tên họ	Chức vụ của người nội bộ	Số cổ phần cá nhân sở hữu trước giao dịch	Số cổ phần tăng/giảm	Số cổ phần cá nhân sở hữu sau giao dịch
Mai Huy Hoàng	Kế toán trưởng	18.500 CP	Tăng 2.000 CP	20.500 CP

**Chi tiết:**

- Ngày 21/10/2022: mua 1.000 cổ phiếu Công ty trên sàn UpCom giá 1.800 đ/Cp.  
Ngày 11/11/2022: mua 1.000 cổ phiếu Công ty trên sàn UpCom giá 1.600 đ/Cp

**3.3 Hợp đồng giao dịch với người nội bộ:**

- Giao dịch đã được ký kết hoặc được thực hiện trong năm giữa Công ty CP Kho vận Petec với người nội bộ: Không có phát sinh báo cáo.
- Giao dịch đã được ký kết hoặc được thực hiện trong năm giữa các công ty con, các Công ty mà Cty CP Kho vận Petec nắm quyền kiểm soát với những người có liên quan đến người nội bộ: Không có báo cáo phát sinh
- Giao dịch đã được ký kết hoặc đã thực hiện trong năm giữa các công ty con, các Công ty mà Công ty CP kho vận Petec nắm quyền kiểm soát với những người có liên quan đến người nội bộ : Không có phát sinh báo cáo
- Giao dịch đã được ký kết hoặc đã thực hiện trong năm giữa Công ty CP Kho vận petec với người có liên quan đến người nội bộ: Trong năm Công ty CP Kho vận Petec có ký hợp đồng tiêu thụ xăng dầu với Tổng công ty Petec theo hợp đồng số 6555/Petec.KDXD-KV-12-21/B ngày 31/12/2021. Phải thu Tổng công ty Petec là 3,5 tr đồng, Phải trả người bán là 3,471 tr đồng, phải trả tiền cổ tức là 852 tr đồng.

**3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty : Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng, cụ thể:**

- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- HĐQT và BKS được đảm bảo về nhân sự, hoạt động đúng chức trách nhiệm vụ quy định.
- Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với Công ty đại chúng.



- HĐQT ban hành đầy đủ và cập nhật thường xuyên các quy chế, quy định phục vụ quản trị Công ty.
- Thực hiện đầy đủ và đúng hạn Báo cáo thường niên và Báo cáo quản trị theo quy định.

## VI. Báo cáo tài chính:

### 1. Ý kiến kiểm toán:

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Kho Vận PeTec tại ngày 31/03/2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Vấn đề khác và nhấn mạnh

Tại ngày 31/03/2023, chỉ tiêu "Vốn chủ sở hữu" của Công ty trên Bảng cân đối kế toán (mã số: 410) bị âm (4.686.944.969) đồng và nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 30.276.894.310 đồng. Các chỉ số này phản ánh khả năng thanh khoản của Công ty đang ở mức thấp và có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và phục vụ cho hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty bằng kết quả hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ tài chính của các Cổ đông. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Báo cáo tài chính năm 2021, kết thúc vào ngày 31/03/2022 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Kiểm toán viên.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

#### A- Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/04/2022
1	2	3	4	5

<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>3.225.830.976</b>	<b>4.646.164.032</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>224.904.485</b>	<b>942.738.586</b>
1. Tiền	111		224.904.485	942.738.586
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.080.776.503</b>	<b>2.184.021.385</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		9.191.165.002	9.663.339.010
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.102.185.245	10.009.314.845
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.130.368.293	842.041.289
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(18.365.089.449)	(18.355.080.399)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		22.147.412	24.406.640
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>779.508.959</b>	<b>1.451.359.780</b>
1. Hàng tồn kho	141		779.508.959	1.451.359.780
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>140.641.029</b>	<b>68.044.281</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		140.641.029	68.044.281
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>31.009.049.341</b>	<b>33.299.605.867</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>166.000.000</b>	<b>166.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		166.000.000	166.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.306.822.103</b>	<b>25.552.041.785</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		9.277.835.384	10.676.341.160
- Nguyên giá	222		31.688.414.958	32.651.369.958
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.410.579.574)	(21.975.028.798)

			)	)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	15.028.986.719	14.875.700.625	
- Nguyên giá	228	18.562.280.139	18.562.280.139	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(3.533.293.420)	(3.686.579.514)	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>			
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí XD CB dở dang	242			
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6.374.162.000</b>	<b>7.225.475.335</b>	
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10.000.000.000	10.000.000.000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11.554.567.000	11.554.567.000	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(15.180.405.000)	(14.329.091.665)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>162.065.238</b>	<b>356.088.747</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	162.065.238	356.088.747	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>250</b>	<b>34.234.880.317</b>	<b>37.945.769.899</b>	
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>38.921.825.286</b>	<b>45.016.730.839</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>33.502.725.286</b>	<b>39.872.666.339</b>	
1. phải trả người bán ngắn hạn	311	5.177.808.305	6.566.547.742	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	520.000	379.110.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	250.459.466	151.459.032	
4. Phải trả người lao động	314	54.000.000		
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	81.841.880	209.420.720	
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	932.911.520	897.874.020	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.211.382.115	5.430.649.825	
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.793.802.000	26.237.605.000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.419.100.000</b>	<b>5.144.064.500</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		5.419.100.000	5.144.064.500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>(4.686.944.969)</b>	<b>(7.070.960.940)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>(4.686.944.969)</b>	<b>(7.070.960.940)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.925.500.000	71.925.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.925.500.000	71.925.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.929.061.690	1.929.061.690
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(78.541.506.659)	(80.925.522.630)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(80.925.522.630)	(83.475.636.213)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.384.015.971	2.550.113.583
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>430</b>		<b>34.234.880.317</b>	<b>37.945.769.899</b>

**B- Bảng kết quả kinh doanh**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	93.994.314.795
2. Các khoản giảm trừ	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		93.994.314.795
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	82.242.536.537
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		11.751.778.258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	66.823.807
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	3.313.901.605
- Trong đó : chi phí lãi vay	23		2.425.741.333
8. Chi phí bán hàng	24		1.705.585.313
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.787.750.016
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		2.011.365.131
11. Thu nhập khác	31		388.627.219
12. Chi phí khác	32		15.976.379
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		372.650.840
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.384.015.971
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.384.015.971
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		331

C- Bảng lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.384.015.971	2.550.113.583
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.208.032.086	1.885.183.066
- Các khoản dự phòng	03		861.322.385	(168.860.174)

- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		36.846.937	(39.916.735)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(391.266.198)	(932.640)
- Chi phí lãi vay	06		2.425.741.333	2.256.321.137
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>6.524.692.514</b>	<b>6.481.908.237</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		93.654.455	(211.270.871)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		671.850.821	(1.056.880.054)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(1.687.761.932)	(1.697.570.296)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		121.426.761	268.328.130
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.425.741.333)	(2.256.321.137)
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.298.121.286</b>	<b>1.528.194.009</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(217.624.730)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		425.814.815	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-

**CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2022**

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.638.979	932.640
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		428.453.794	(216.692.090)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		49.674.778.000	49.361.190.200
Tiền trả nợ gốc vay	34		(54.118.581.000)	(51.271.169.800)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.443.803.000)	(1.909.979.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(717.227.920)	(598.477.681)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	942.738.586	1.541.812.620
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(606.181)	(596.353)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	224.904.485	942.738.586

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**GIÁM ĐỐC**  
*Hành Xuân Hồng*